

Số: 820/2024/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 30 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1172/2024/TLST-VHNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Vũ Văn T**, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: **E, N, phường A, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.**

2. Bà **Lê Thị Thanh T1**, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: **G, tổ A, khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: ông **Vũ Văn T** và bà **Lê Thị Thanh T1** xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên thống nhất thuận tình ly hôn để trả tự do cho nhau.

[2]. Về con chung: giữa ông **Vũ Văn T** và bà **Lê Thị Thanh T1** có 02 con chung là các cháu **Vũ Mai P**, sinh ngày: 30/8/2018 và **Vũ Khánh L**, sinh ngày: 26/02/2020. Ông **T**, bà **T1** thống nhất thỏa thuận bà **T1** sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu sau khi ly hôn và ông **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu mỗi tháng là 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: ông **Vũ Văn T** và bà **Lê Thị Thanh T1** xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: ông **Vũ Văn T** và bà **Lê Thị Thanh T1** tự nguyện nộp theo đúng quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: ông **Vũ Văn T** và bà **Lê Thị Thanh T1** thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: giao 02 cháu **Vũ Mai P**, sinh ngày: 30/8/2018 và **Vũ Khánh L**, sinh ngày: 26/02/2020 cho bà **Lê Thị Thanh T1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ông **Vũ Văn T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu mỗi tháng là 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà **Lê Thị Thanh T1** cho đến khi thi hành án xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, hàng tháng ông **Vũ Văn T** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: ông **Vũ Văn T** và bà **Lê Thị Thanh T1** xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: ông **Vũ Văn T** và bà **Lê Thị Thanh T1** tự nguyện nộp mỗi người 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) (đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số: 3413 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND nơi cấp giấy ĐKKH;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**Thẩm phán**

**Nguyễn Thành Tân**